**TEST 1**

1. **Chọn từ khác bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng (A,B,C hoặc D)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **A.** tooth | B. eye | C. head | D. aspirin |
| 2. **A.** bought | B. flew | C. danced | D. sang |
| 3. **A.** beautiful | B. souvenir | C. interesting | D. colorful |
| 4. **A.** weather | B. summer | C. autumn | D. winter |
| 5. **A.** who | B. how | C. why | D. this |

1. **Chọn đáp án đúng (A,B,C hoặc D) điền vào chỗ trống trong mỗi câu sau.**
   1. What are you going tomorrow?
      1. to do **B**. do **C**. did **D**. doing
   2. They swimming last Saturday.
      1. go **B**. going **C**. went **D**. goes
   3. He should go to the because he has a toothache.
      1. dentist **B**. nurse **C**. teacher **D**. doctor
   4. What’s the matter you? ~ I have a cold.
      1. to **B**. with **C**. from **D**. in
   5. How many seasons are in England?
      1. these **B.** those **C**. they **D**. there
   6. It’s often in the rainy season.
      1. cold **B**. warm **C**. rainy **D**. sunny
   7. the weather like in spring?
      1. When’s **B**. Where’s **C**. Who’s **D**. What’s
   8. She always to school by bike.
      1. went **B**. is going **C**. go **D**. goes
   9. He football in the yard now.
      1. plays **B**. is play **C**. playing **D**. is playing 10.The students often travel to school bike.

**A**. by **B**. in **C**. with **D**. on

## Xếp các câu sau thành một bài hội thoại

Yes, we did. We held it in the schoolyard.

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
| 1 |
|  |
|  |

We spoke, told stories and sang songs in English. Did you enjoy it?

Did your school hold an English speaking contest last Sunday? What did you do there?

Yes, I did. It was interesting.

## Chọn từ có sẵn trong khung điền vào chỗ trống trong đoạn hội thoại.

**matter tired fever take out**

Nam Mom Nam Mom

: I’m very , Mom.

: What’s the (2) with you, son?

: I have a (3) I have a headache, too.

: You should (4) ……………. some aspirins and you shouldn’t go (5) ……………..

[

## Xếp từ bị xáo trộn thành câu có nghĩa.

* 1. Going / we / to / are / Do Son / next weekend / visit.
  2. Fly / he / the / wants / kite / to.
  3. Doctor / see / you / the / should.
  4. My / anything / didn’t / mother / buy.
  5. The / is / warm / spring / in / weather?

## Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi ở dưới.

Last Sunday, Lan didn’t go to school, but she went to her friend’s birthday party. She got up early in the morning, went to the shop, and bought some gifts and flowers. Then, she went to her friend’s house. At the party, she ate a lot of cakes and drank soft drink. She danced beautifully, sang many songs, and told a lot of interesting stories. All her friends were there too. They played many games such as hide – and – seek, skipping rope and cards. They were very happy and enjoyed themselves a lot. Finally, the party came to an end. They said goodbye to each other and went home late in the evening.

1. Where did Lan go last Sunday?
2. What did she buy for her friend?
3. What did she do at the party?
4. Did they enjoy themselves a lot?
5. When did they go home?

# TEST 2

## Chọn từ khác bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng (A,B,C hoặc D)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **A**. windy | **B**. cloudy | **C**. sky | **D**. rainy |
| 2. **A**. fever | **B**. matter | **C**. toothache | **D**. cough |
| 3. **A**. mouth | **B**. arm | **C**. health | **D**. eye |
| 4. **A**. summer | **B**. spring | **C**. season | **D**. winter |
| 5. **A**. village | **B**. bus stop | **C**. railway station | **D**. airport |

1. **Chọn đáp án đúng (A,B,C hoặc D) điền vào chỗ trống trong mỗi câu sau.**
   1. It takes about thirty hours from Hanoi to Ho Chi Minh City.
      1. to fly **B**. flying **C**. fly **D**. to flying
   2. is it from Hanoi to Hue? ~ About 900 kilometers.
      1. How old **B**. How **C**. How far **D**. How many
   3. There are four in my country: spring, summer, autumn and winter.
      1. season B. seasons **C**. people **D**. students
   4. What ………….. you next weekend?
      1. do / do **B**. are / do **C**. did / do **D**. are / going to do
   5. Where is Tony from? ~ He is from …………...
      1. Vietnamese **B**. American **C**. Singapore **D**. Singaporean
   6. Yesterday John ………….. go to school because he a toothache.
      1. didn’t / had **B**. doesn’t / has **C**. didn’t / has **D**. doesn’t / had
   7. I sometimes go in the winter.
      1. ski **B**. skiing **C**. to ski **D**. to skiing
   8. are you going this summer holiday? ~ I’m going to Paris.
      1. How **B**. What **C**. Where **D**. Who
   9. We want to have a good time Hanoi.
      1. on **B**. at **C**. for **D**. in 10.Hoa a letter to her pen friend now.

**A**. is writeing **B**. is writing **C**. writes **D**. wrote

## Nối câu hỏi ở cột A và câu trả lời thích hợp ở cột B.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cột A | Cột B | Bài làm |
| 1. Where did Hoa go last Sunday? | a) We are going to hold a School |  |
| 2. What do you usually do in | Festival. |  |
|  |
| summer? | b) Because she can’t go swimming. |
|  |
| 3. What are you going to do next | c) It’s May 14th, 2011. |
|  |
| week? | d) She went to visit her grandparents. |
| 4. Why doesn’t your sister like the | e) I usually play sports with my |
| winter? | friends. |
| 5. What’s the date today, Nam? |  |

1. **Tìm và sửa lỗi sai trong câu sau.**
2. What’s the matter by you?
3. Last Saturday, I am at Hoa’s birthday

party.

1. He likes watching TV. He watch it

every day.

1. Mai is writeing a letter at the moment.
2. I play sometimes football in the

afternoon.

## Xếp từ bị xáo trộn thành câu có nghĩa.

* 1. where / museum / is/ ? / the
  2. going / to / I’m / . / Vung Tau
  3. drink / . / warm / water / should / you
  4. yesterday / you / at / ? / did / home / stay
  5. doesn’t / volleyball / . / Mary / to / want / play

## Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi ở dưới.

Hello! My name is Peter. I am from England. I’m having a wonderful time in Nha Trang. The beach is nice. The hotels look beautiful and the seafood is excellent. The weather is lovely, so I go swimming most of the time. Yesterday, I met a pretty girl from Da Nang. She was very friendly.

* 1. Where is Peter from?
  2. Where is he now?
  3. What is seafood like?
  4. What is the weather like?

* 1. Did he meet a pretty girl from Hanoi?

# TEST 3

## Bài 1: Sắp xếp lại các từ để hoàn thành các câu.(2,5đ)

1. Vietnam/ four/ There/ in/ seasons/ are.

→…………………………………………………………………………...

1. autumn/ like/ the/ What’s/ weather/ in?

→……………………………………………………………………………….

1. yesterday / letter/ friend/ wrote/ He/ to/ a/ his.

→…………………………………………………………………………………

1. here/ far/ is/ How/ it/ from?

→……………………………………………………….....................................

1. amusement/ We/ the/ going/ are/ park/ to.

→………………………………………………………………………………..

## Bài 2: Chọn và khoanh vào từ đúng A, B, hoặc C để phù hợp ở các câu.(2.5đ).

1. ***In , it is warm and beautiful.***
   1. summer B. winter C. spring.
2. ***She to the doctor. She has a fever.***
   1. shouldn’t B. should goes C. should go.
3. ***What Tom do last night?***
   1. does B. did C. was.
4. ***is going to travel to Hanoi? Mrs Brown.***
   1. where B. when C. who.
5. ***Turn left. It’s your right.***
   1. on B. in c. from.

## Bài 3 : Tìm từ có cách đọc khác các từ còn lại ở phần gạch chân và khoanh tròn từ đó trong các câu sau. (2 đ).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a. c**a**ndy | m**a**ny | **a**fter | m**a**tter |
| b. r**i**de | p**i**cnic | mus**i**c | v**i**sit |
| c. f**e**ver | b**e**tter | sh**e** | b**e**cause |
| d. m**u**seum | l**u**nch | m**u**m | S**u**nday |

**Bài 4: Đọc đoạn dưới đây.**

There are four seasons in Vietnam. They are: spring, summer, autumn and winter. In summer, it is sunny and hot. Nam and Mai are going to visit Hanoi this summer. They are going to there by train. And They are going to stay there for six days. They are going to the park and the zoo.

## Trả lời các câu hỏi dưới đây. (2 đ).

* + 1. How many seasons are there in Vietnam?

→………………………………………………………………………………..

* + 1. What’s the weather like in summer?

→………………………………………………………………………………..

* + 1. Who is going to visit Hanoi?

→………………………………………………………………………………..

* + 1. How are they going there?

→………………………………………………………………………………..

## Bài 5: Viết một đoạn ngắn giới thiệu về thời tiết ở Việt Nam trong hai mùa( in spring, in winter) ( 1 đ).

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………… The end.

# TEST 4

* + - 1. **Hoàn thành các câu sau :** (4 điểm)
         1. Where \_ \_ \_ they from ?
         2. My father \_ \_ a farmer.
         3. \_ \_ \_ \_ were you born ?
         4. What are you doing \_ \_ \_ ?
         5. What is the matter you ?
         6. She wants to \_ \_ a doctor.
         7. \_ \_ \_ far is it from here to Hong Linh Town ?
         8. It’s \_ \_ \_ in summer.
      2. **Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất A,B,C hoặc D.** ( 2 điểm) 1 . Yesterday, he ………… to school.

A. went B. go C . are D . is

1. She usually goes to school bus.
   1. at B. on C . in D . by
2. How …………. is it from here to Vinh ?
   1. left B. far C. near D . right 4 . What …………. the weather like ?

A.are B. do C . is D . does

1. What do you usually do summer

A. in B. on C . at D . to

## Gạch chân những từ sai ở cột A và viết lại cho đúng ở cột B : ( 3 điểm )

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1.sqring,hot,sunmer,friend,airport,whem | 1………………………………..........………… |
| 2.stedium,cool,ixland,weekand,prom,always | . |
| 3.babminton,where,cinena,last,kilomiter,col | 2………………………………...........……… |
| g | … |
| 4.weathee,vizit,cendy,doctor,birphday,sing | 3………………………………..........………… |
|  | . |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 4……………………………..........……………  . |

* + - 1. **Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh** . (1 điểm)

1. is/Duc Tho/ far / it/ how/ from/here/to?....……………….………………………………..
2. he/Phu Quoc island/is/ going/ visit/ to? …

…..………………..…………………………

# TEST 5

* 1. **Hoàn thành các câu sau :** (4 điểm)
     1. \_ \_ \_ \_ is your birthday ?
     2. He want to \_ \_ a worker.
     3. Turn right. It’s \_ \_ your left.
     4. It’s \_ \_ \_ \_ in autumn.
     5. How far is it \_ \_ \_ \_ Vinh to Ha Noi ?
     6. We \_ \_ \_ going to play hide and seek.
     7. \_ \_ \_ you visit Tuan Chau island ? Yes, I did.
     8. What do you usually do \_ \_ winter ?.
  2. **Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D.** ( 2 điểm) 1 . How ……………… do you play badminton ?

A. far B. often C . never D . ever

1. What did you do at the festival ?.
   1. danced B. dance C . sing D . draw
2. …………. The matter with you ?
   1. when B. who C. what D . how 4 . Did you clean the floor yesterday ?............, I did.

A.No B. it C . oh D . yes

1. Where …………….. the amusement park ?

A. are B. is C . am D . be

## Gạch chân những từ sai ở cột A và viết lại cho đúng vào cột B : ( 3 điểm )

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1.sqring,hot,gane,friend,airport,whem | 1……………………...........……………… |
| 2.stedium,cool,ixland,weekand,prom,always | 2……………………............…………….. |
| 3.babminton,who,cinena,last,kilomiter,colg | 3……………………...........……………… |
| 4.bika,vizit,cendy,doctor,birphday,sing,my | 4……………………...........………………. |

* 1. **Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh** . (1 điểm)

1. she/is/ going / train/ by/to/travel?

…………………………..…………………………

1. in/you/do/usually/spring/do/ what?

…………………………..………………………….

# TEST 6

* 1. **Hoàn thành các câu sau :** (4 điểm)
     1. \_ \_ \_ \_ is your birthday ?
     2. His sister wants to \_ \_ a singer.
     3. Turn left. It’s \_ \_ your right.
     4. It’s \_ \_ \_ \_ in spring.
     5. How \_ \_ \_ is it from Ha Noi to Ho Chi Minh City ?
     6. They \_ \_ \_ going to skipping rope.
     7. \_ \_ \_ you do homework last night ?
     8. What do you usually do \_ \_ winter ?.
  2. **Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất:A, B, C hoặc D.**( 2điểm) 1 . How ……………… do you play badminton ?

A. far B. often C . never D . ever

1. What did you do at the festival ?.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. danced | B. dance | C . sing | D . draw |
| 3 The | matter with you ? |  |  |

A. when B. who C. what D . how 4 . Did you clean the floor yesterday ?............, I did.

A.No B. it C . oh D . yes

1. Where …………….. the amusement park ?

A. are B. is C . am D . be

## Gạch chân những từ sai ở cột A và viết lại cho đúng vào cột B : ( 3 điểm )

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1.sqring,hot,gane,friend,birphday,whem | 1……............…………………………………… |
| 2.stedium,cool,ixland,weekand,prom,cend | . |
| y | 2………….............…………………………… |
| 3.babminton,who,cinena, ,kilomiter,colg | … |
| 4.bika,vizit,always,doctor,airport,sing | 3…………............……………………………… |
|  | . |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 4……………............……………………………  . |

* 1. **Sắp xếp các từ sau thành câu có nghĩa** . (1 điểm)

1. he/is/ going/by/travel/bus/to?

……………….........……………………………...

1. in/you/do/usually/winter/do/ what?

....…..……………….........……………………….

# TEST 7

* 1. **Hoàn thành các câu sau :** (4 điểm)
     1. \_ \_ \_ \_ is your birthday ?
     2. He want to \_ \_ a worker.
     3. Turn right. It’s \_ \_ your left.
     4. It’s \_ \_ \_ \_ in autumn.
     5. How far is it \_ \_ \_ \_ Vinh to Ha Noi ?
     6. We \_ \_ \_ going to play hide and seek.
     7. \_ \_ \_ you visit Tuan Chau island ? Yes, I did.
     8. What do you usually do \_ \_ winter ?.
  2. **Khoanh tròn chũ cái trước đáp án đúng nhất: A, B, C hoặc D.** ( 2 điểm) 1 . Yesterday, he ………… to school.

A. went B. go C . are D . is

1. She usually goes to school ……… bus.
   1. at B. on C . in D . by
2. How …………. is it from here to Vinh ?
   1. left B. far C. near D . right 4 . What …………. the weather like ?

A.are B. do C . is D . does

1. What do you usually do summer

A. in B. on C . at D . to

## Gạch chân những từ sai ở cột A và viết lại cho đúng ở cột B : ( 3 điểm )

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1.sqring,hot,gane,friend,birphday,whem | 1……............…………………………………… |
| 2.stedium,cool,ixland,weekand,prom,cend | . |
| y | 2………….............…………………………… |
| 3.babminton,who,cinena, ,kilomiter,colg | … |
| 4.bika,vizit,always,doctor,airport,sing | 3…………............……………………………… |
|  | . |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 4……………............……………………………  . |

* 1. **Sắp xếp các từ sau thành câu có nghĩa** . (1 điểm)

1. she/is/ going / train/ by/to/travel?

…………………………..…………………………

1. in/you/do/usually/spring/do/ what?

…………………………..………………………….

# TEST 8

* 1. (2đ) Em hãy khoanh tròn vào 1 từ khác với những từ còn lại.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. kitchen 2. A. behind 3. A. sing 4. A. teacher | B. bedroom  B. door  B. dance  B. door | C. bed  C. next to  C. play  C. window | D. livingroom  D. on  D. bathtub  D. table |
| 5. A. his | B. my | C. her | D. they |
| 6. A. am | B. is | C. are | D. can |
| 7. A. spider | B. dog | C. desk | D. rabbit |
| 8. A. teacher | B. mother | C. father | D. grandfather |

* 1. (5đ ) Em hãy khoanh tròn và o đ áp án đ úng.
     1. There a book next to the table.
        1. am B. is C. are D. can
     2. There are in front of the bed.
        1. book B. chair C. lamps D. sofa
     3. What is telephone number ? It is 0563870238.
        1. your B. you C. they D. we
     4. Lan can sing a song she can’t dance.
        1. and B. or C. the D. but
     5. Is the lamp in the bathroom ? No, it is .
        1. not B. no C. nor D. and
     6. There are books the table.
        1. a B. an C. under D. this
     7. Is there a window behind the bed? Yes, is.
        1. they B. this C. those D. there
     8. I can find my book.
        1. no B. do C. are D. not
     9. Look at . She can draw a picture.
        1. him B. her C. we D. me
     10. I can ride a bicycle but I ride a pony.
         1. can B. do C. isn’t D. can’t
  2. (3đ ) Em hãy khoanh tròn và o câu trả lờ i đ úng.

1. Can she speak English?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. No, he cannot | B. Yes, she can | C. Yes, she do | D. No, she doesn’t |
| 2. Where do you live ? |  |  |  |
| A. I live in Binh Đ inh | B. It’s Binh Đ inh | C. We live in Hanoi | D. Yes, I do |
| 3. What’s wrong, Lan? |  |  |  |
| A. I’m nine years old B. I’m fine, thanks C. I can’t hear the teacher D. I’m Lan  4. Are there cats next to the chair ? | | | |
| A. Yes, there are | B. No, there are | C. Yes, there is D. No, there isn’t | |
| 5. What is his name ? |  |  | |
| A. Her name ‘s Lan | B. His name ‘s Nam | C. He is nine year old D. He is fine | |
| 6. What can you do? |  |  | |
| A. I’m fine | B. It’s a ruler | C. I’m Lan D. I can speak English | |
|  | The end |  | |

## I - Circle the odd one out: ( 2 ms )

**TEST 9**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. visiting | B. watching | C. taking | D. were |
| 2. A. photo | B. bought | C. flew | D. sang |
| 3. A. sunny | B. weather | C. rainy | D. windy |
| 4. A. leg | B. toothache | C. cold | D. headache |

1. **Choose the best answer to complete the following sentences: ( 4 ms )**
2. Linda her homework now.
   1. is doing B. does C. did D. doing
3. She camping last summer.
   1. went B. is going C. go D. goes
4. Alan a letter to his new pen friend at the moment.
   1. writes B. is writing C. wrote D. writing
5. She always to school by bike.
   1. went B. is going C. go D. goes
6. Lili a letter to her new pen friend yesterday.
   1. write B. writing C. writes D. wrote
7. Alan should because he has a fever.
   1. go to an engineer B. go to a farmer C. go to the doctor D. go swimming
8. Are you going TV this evening?
   1. watch B. watching C. to watch D. watched
9. Linda going to visit her friends next weekend.
   1. was B. is C. ’s D. B&C

## Reorder the words to make sentences: ( 2 ms )

1. going/I/school/am/by bike/next Monday/to.

.........................................................................

1. often/We/go/in/swimming/summer

.........................................................................

1. weekend/ did /go/ Where/ you/last?

.........................................................................

1. visit/going/She/is/her/tomorrow/friends/to.

.........................................................................

## Read the passage and then do the tasts that follow: (2 ms )

Next weekend Tom and his friends are going to visit Do Son. They are going to travel by bus. They’re going to stay in a hotel and enjoy seafood there. The next day, they are going to go swimming and take a lot of photos. They are going to buy their families some interesting souvenirs

1. How are they going to travel?

.........................................................................

1. Where are they going to stay?

.........................................................................

1. Are they going to go swimming?

.........................................................................

1. What are they going to buy?

 .........................................................................

# TEST 10

1. **Sắp xếp các chữ sau thành từ hoàn chỉnh (1ms)**

1. nksi → ……………….. 2. ouhes → …………….........

3. ookshbelf → ………….. 4. onetephle → ……………..

1. **Chọn đáp án đúng (3ms)**
   1. ………. do you live ? I live …… Song Cau town, Phu Yen province.
      1. What / in B. Where / in C. Who / in D. Where / by
   2. What is your ……….. ? It is 10 Nguyen Hue ……………
      1. number / street B. address / streets C. address / street D. number / streets
   3. Where ……... the stove ? It is in the …………………
      1. is / bedroom B. are / bathroom C. is / kitchen D. are / dining room
   4. Is ……. bed next ……. the chair ? Yes, it is.
      1. the / by B. a / to C. the / of D. the / to
   5. What is …….., Lisa ? I can’t my crayon.
      1. wrong / find B. matter / hear C. wrong / hear D. matter / find
   6. Look at ……… ! He can a pony.
      1. me / ride B. he / ride C. him / ride D. his / ride
   7. Is there a lamp in front ……. the table? ……, there isn’t.

A. of / No B. on / Yes C. on/ No D. of/ Yes

* 1. He can a bicycle.

A. read B. ride C. write D. do

* 1. …………. can she do? She can ………chopsticks.
     1. What/ use B. What/ sing C. How/ use D. How/ sing

10 swim? Yes, he can.

A. She can B. Can he C. he can D. Can she

1. I can sing a song. What …… you? I can dance.
   1. are B. about C. do D. can
2. This is house.
   1. me B. I C. my D. he
3. **Trả lời các câu hỏi sau (3ms)**
   1. Nam can speak English. What about you?

I can ……………………………………..

I can’t ……………………………………

* 1. Where is the sofa?

……………………………………………

* 1. What’s your telephone number?

……………………………………………..

1. **Sắp xếp lại các từ sau thành câu hoàn chỉnh (3ms)**
   1. the / Are / balls / there / under / bed ? : ……………………………………….

2. Hit / sit / the / pit. / ball / and / in / the : ………………………………………..

1. the / on / frog / the / are / The / dog / log. / and :

……………………………………………………………………………….........

# TEST 11

### Bài 1: Khoanh tròn vào từ có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. windy | B. sunny | C. sky | D. rainy |
| 2. A. weather | B. cream | C. health | D. headache |
| 3. A. mouth | B. cloud | C. about | D. your. |
| 4. A. cold | B. hot | C. sore | D. body |
| 5. A. headache | B. toothache | C. watch | D. earache |

***Bài 2: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu***

* 1. What’ s the weather like …………Hanoi today ***( in, on, at.)***
  2. It ………. rainy in Thai Binh yesterday ***( is, are, was***)
  3. What …….. the people like ? ***(is, are, was ).***
  4. There are some pictures …………the wall ***( in, on, at )***
  5. \The food is ………….. . ( ***good, sunny, windy***)
  6. In summer, it is usually ……………. ***( warm, cold, hot) Bài 3:Kết hợp 1 câu hỏi ở cột A với một câu trả lời ở cột B cho phù hợp***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **Phần trả lời** |
| 1. When do you begin the new  school year? | a. In spring | 1-- |
| 2. What do you usually do in  summer holiday? | b. Because it is usually cold,  sometimes very cold | 2-- |
| 3. When do you have Tet  holidays? | c. In autumn | 3-- |
| 4. Why don’t you like the  winter? | d. I usually go swimming or  fishing | 4-- |

### Bài 4: Mỗi câu sau có một lỗi sai, em hãy gạch chân lỗ sai và sửa lại cho đúng

1. What’s the matter to you?

……………………………………………………………….

1. Last weekend, I am at my friend’s birthday party.

……………………………………………………………….

1. She watchs T.V every day.

……………………………………………………………….

1. There is some books on the table

……………………………………………………………….

1. Elephants are biger than monkeys

……………………………………………………………….

### Bài 5 :Sắp xếp lại các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh

1. nice / swimming / the / for / sea / is

……………………………………………………….

1. having / in / I’m / Vung Tau / holiday / a.

……………………………………………………..

1. drink / some/ lemon juice / should / honey/ you/ and.

………………………………………………………

1. yesterday / you / at / did / home / stay /?/

………………………………………………………

### Bài 6: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi

I’m having a wonderful time in Quang Ninh. The beach is nice. The hotels look beautiful and the seafood is excellent. The weather is lovely, so I go swimming most of the time. Yesterday I met a pretty girl from Thai Binh. She was very friendly.

1. Where is Peter ?

…………………………………………………………

1. What is the seafood like ?

………………………………………………………..

1. Why does he go swimming most of the time ?

……………………………………………………….

1. Did he meet a pretty girl from Hanoi ?

…………………………………………………………

# TEST 12

### Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) có cách phát âm ở phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. man | B. fat | C. game | D. maths. |
| 2. A. learned | B. turned | C. listened | D. walked. |
| 3. A. sporty | B. easy | C. why | D. country |
| 4. A. from B. | October | C. November | D. long |
| 5. A. weather | B. cream | C. health | D. headache |
| 6. A. cold | B. hot | C. sore | D. body |

***Bài 2: Có bao nhiêu cách đọcở phần được gạch chân của các từ sau:( 1,25 điểm)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A. zebra | B. get | C. elephant | D. she |  |
| 2. A. wash | B. badminton | C. grade | D. amazing |  |
| 3. A. monkey | B. do | C. brother | D. so |  |
| 4. A. bridge | B. wide | C. river | D. high |  |
| 5. A. fast | B. last | C. man | D. late |  |

***Bài 3: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu (1,5 điểm)***

1. I’m going to travel train ***( by, in. on )***
2. What is he going to do \_ month ? ***( next, last, a)***
3. Turn right High Street. ***( into, to, at )***
4. can I get there ? ***(how, what, where***)
5. There are pens on the bookshelf ***( a, an, some)***

### gets up at 6.00. ( I, We, She). Bài 4: Sắp xếp các câu sau thành bài hội thoại hợp lý ( 2 điểm)

1. Thank you very much
2. How can I get there?
3. Excuse me.
4. Go straight ahead, then turn right. the post office is next to the school
5. Yes. there is one near Hight Street.
6. You are welcome
7. Is there the post office near here ?
8. Yes ?

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |

### Bài 5: Chọn 1 từ thích hợp trong khung để hoàn thành các câu sau (1,25 điểm)

**Badminton subjects play at study**

A: What did you do yesterday ?

B: I studied school

A: What did you study?

B: I Vietnamese, English and art. A: Did you football?

B: No, I didn’t. I played .

### Bài 6: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1,5 điểm)

1. Go straight ahead into the traffic lights and turn left

.....................................................................................................

1. What’s the weather like yesterday?

.....................................................................................................

1. Does he plays football?

.....................................................................................................

1. How long is Nam? - He is one hundred and forty-five centimetres

......................................................................................................

1. We usually listen music in the morning

......................................................................................................

1. Let is play cards

..........................................................................................................

### Bài 7 . Đọc đoạn văn và điền T nếu thong tin là đúng, F nếu thong tin là sai vào các câu bên dưới.(1 điểm)

My name is Phong. I like to play football very much and I want to be a footballer. I watch all the football matches o T.V. This is my friend. Her name is Lan. She wants to be a singer because she likes to sing. She wants to be a famous person.

1. Phong likes to play football 
2. Phong wants to be a footballer. 
3. Phong always watches games on T.V. 
4. Lan wants to be a singer. 

*-The end-*

# TEST 13

### Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C hoÆc D) trước từ có cách phát âm phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5điểm)

1. A. go B. some C. hope D. holiday.
2. A. pack B. ask C. away D. suitcase
3. A. music B. fun C. flu D. club
4. A. camping B. ocean C. country D. celebrate
5. A. cook B. cinema C. cake D. candy
6. A. blouse B. trousers C. house D. country

### Bài 3: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu (1,5 điểm)

1. Ho Chi Minh city is than Hanoi ***( biger, bigger, the biggest***)
2. This book isn’t

***( my, mine, me*** )

1. My name is Phong ***( brother, brothers, brother’s)***
2. Does he in Hue? ***( live, lives, living)***
3. I

at Lan’s birthday party last night ***( was, were, am***)

1. They are going to a song ***( sing, sings, singing )***

### Bài 3 . Đọc đoạn văn và điền T nếu thong tin đúng, F nếu thông tin sai vào các câu ở dưới.(1,25 điểm)

My name is Nam. I have a brother. His name is Phong. He is youger but taller than me. This is our room. Those are our school bags. Phong’s school bag is bigger than mine because he has many books in it. That is my table. It is longer than Phong’s and I many things on it: notebooks, a radio and a computer.

* 1. Phong is older than Nam.
  2. Phong is taller than Nam.
  3. Nam’s school bag is smaller than Phong’s
  4. Nam’s table is longer than Phong’s
  5. There is a computer on Nam’s table

### Bài 4: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1,5 điểm)

1. Does Lan and Hoa usually go shopping on Sundays?

..............................................................................................

1. What are you going to do in this weekend?

..................................................................................................

1. What does he do in 1982?

..................................................................................................

1. I’m going to cinema this evening.

....................................................................................................

1. He works in the factory. He is a farmer

...................................................................................................

1. What did you have to breakfast?

..................................................................................................

### Bài 5:Kếp hợp 1 câu hỏi ở cột A và 1 câu trả lời ở cột B cho phù hợp (1,25điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **Tr¶ lêi** |
| 1. When do you begin the new school year? | a. It’s about 200 kilometres long | 1 |
| 2. Why don’t you like the  winter? | b. It’s 20 dolas | 2 |
| 3. How are they going to travel? | c. In spring | 3 |
| 4. How long is that river? | d. Because it often cold and  sometimes very cold | 4 |
| 5. How much is the bag? | e. By train | 5 |

***Bài 6 :Sắp xếp lại các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh ( 1 điểm)***

1. music / did / to / listen / you / last night / ?

........................................................................................................

1. at / I / home / stayed / yesterday.

........................................................................................................

1. wants / a / Phong / footballer / to / be .

.......................................................................................................

1. by / go / to / they / usually / school / bus.

.......................................................................................................

### Bài 7: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi( 2 điểm)

Hi, I’m Nam. I am going to visit my grandparents this weekend . They live in the countryside. I’m going to stay there for two days. I’m going to plant some flowers in the garden near the house

1. Who is he going to visit this weekend?

.................................................................................................................

1. Where do his grandparents live?

...................................................................................................................

1. How long is he going to stay there?

.....................................................................................................................

1. What is he going to plant in the garden?

...................................................................................................................

*-The end-*

# TEST 14

### Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái(A, B, C hoÆc D) trước từ có cách phát âm phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. station | B. cinema | C. place | D. late |
| 2. A. left | B. zebra | C. next | D. wet |
| 3. A. near | B. hear | C. ear | D. ahead |
| 4. A. excuse | B. must | C. sun | D. junction |
| 5. A. evening | B. desk | C. welcome | D. next |
| 6. A. live | B. music | C. listen | D. decide |

***Bài 2: Có bao nhiêu các đọc ở phần được gạch chân của các từ sau:( 1,5 điểm)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. much | teacher | kitchen | ache |  |
| 2. fast | last | man | late |  |
| 3. do | go | hot | cold |  |
| 4. summer | usually | autumn | sunny |  |
| 5. season | weather | scream | breakfast |  |
| 6. never | often | evening | wet |  |

***Bài 3: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi( 2 điểm).***

Hi. My name is Minh. Last year I visited my friend. He lives in a small town, about 30 kilometres far from my house. The town is near a beautiful river. It’s about 20 metres wide and we went swimming in the river every day.

1. Who did Minh visit last year?

....................................................................................................................

1. How far is it from Minh’s house to the town?

....................................................................................................................

1. How wide is the river?

....................................................................................................................

1. Is the river beautiful?

....................................................................................................................

### Bài 4: Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành các câu sau (1,5 điểm)

1. She teaches in a school. So she is a ***( worker, farmer, teacher*** )
2. The cinema is your left. (***in, on, at )***
3. There is book shop here. ***( a, an , two*** )
4. Turn right Tran Hung Dao Street ***( in, into, on )***
5. The giraffe is the animal in the zoo. ***( tallest, tall, taller*** )
6. Which country has the biggest population? ***( China, India, Russia*** )

### Bài 5: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1 điểm)

1. Students sometimes like to have picnic

...................................................................................................

1. Mr Brown always goes to work in car

...................................................................................................

1. Can you tell me the way to hospital ?

...................................................................................................

1. There are a dog under the table.

...................................................................................................

### Bài 6 : Sắp xếp các từ, cụm từ đã cho thành câu hoàn chỉnh ( 1 điểm)

1. wide / your / is / room / how / ? /

.....................................................................................................

1. thicker / is / this / than / book / one / that /.

.....................................................................................................

1. you / in / usually/ what / do / do / summer / ? /

.....................................................................................................

1. you / what / matter / the / is / with / ?/

.....................................................................................................

### Bài 7: Hoàn thành bảng sau dung từ cho sẵn (1,5 điểm)

**watch swimming shop police station volleyball cook badminton museum read tennis sing cinema**

**post office football play**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Activities** | **Places** | **Games/ sports** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

*-The end-*

# TEST 15

### Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C hoÆc D) trước từ có cách phát âm phần gạch chân khác với từ còn lại (1,5điểm)

1. A. language B. math C. art D. has
2. A. night B. giraffe C. tiger D. time
3. A. door B. school C. football D. room.
4. A. fun B. ruler C. number D. subject.
5. A. teach B. eat C. please D. year.
6. A. windy B. sunny C. sky D. rainy

### Bài 2: Khoanh tròn chữ cái (A, B, C hoÆc D) trước từ khác loại với những từ còn lại (1,5điểm)

1. A. wide B. long C. high D. kilometre
2. A. season B. summer C. winter D. spring.
3. A. tennis B. football C. music D. badminton.
4. A. sing B. learn C. train D. play
5. A.headache B earache C. toothache D. food
6. A. to B go C. on D. between

### Bài 3: Chọn 1 từ đúng trong ngoặc để hoàn thành các câu sau (1,5 điểm)

1. There are some pictures
2. She works on the farm. She is a

the wall ***(on, in, at ) (farmer, singer, doctor)***

1. How are you ? - I’m 12 ***( tall, long, old*** )
2. There are twenty in my class ***(boys, girl, boy)***
3. He at home last night. ***(stays, stayed, stay*** )

### I’m than you . ( shorter, short, shortest) Bài 4: Mỗi câu sau có 1 lỗi sai. Em hãy tìm và sửa lại cho đúng (1 điểm)

1. I’m going visit my friends this weekend.

...................................................................................................

1. Phong want to be a footballer

...................................................................................................

1. How long is it from your house to school ?

...................................................................................................

1. What the weather like in autumn ?

..................................................................................................

### Bài 5: Hoàn thành bài hội thoại dung các từ trong hộp (2,5 điểm)

**Some matter doctor temperature aspirin**

A: You don’t look well. What’s the with you ? B: I feel sick. I have a . My head is aching.

A: Would you like me to phone the ? B: No. I’d like lemon juice.

A: Take some and have a rest. B: Thanks. I think I’ll feel better soon.

### Bài 6: Đọc đoạn hội thoại sau rồi trả lời câu hỏi (1 điểm)

A: What are you going to do this summer holiday? B: I’m going to visit Hanoi.

A: Where are you going to stay?

B: I’m going to stay in my uncle’s house. B: How long are you going to stay there? A: For two days.

B: How are you going to travel? A: I’m going to travel by train.

1. What is he going to do this summer?

...................................................................................................

1. Where is he going to stay?

...................................................................................................

1. How long is he going to stay?

...................................................................................................

1. How is he going to travel?

...................................................................................................

### Bài 7 : sắp xếp các từ, cụm từ thành câu hoàn chỉnh( 1 điểm)

1. how / animal / fast / the / is / fastest /?

..................................................................................................

1. didn’t / to / yesterday / I / go / school.

...................................................................................................

1. old / Uncle Ho / died / how / when / he / was /?

...................................................................................................

1. learning / in / they / the / classroom / are.

...................................................................................................

*-The end-*

# TEST 16

### Bài 1: Khoanh tròn chữ cái (A, B, C hoÆc D) trước từ có các phát âm phần gạch chân khác với những từ còn lại (1,5điểm)

1. A. bat B. animal C. man D. amazing
2. A. mouth B. cloud C. blouse D. should
3. A. matter B hand C. stomach D. aspirin
4. A. break B. head C. bread D. cheap
5. A. fun B. ruler C. number D. subject
6. A. station B. cinema C. place D. late

### Bài 2: chọn một từ đúng để hoàn thành các câu sau (1,5 điểm)

* 1. Lan usually to school by bicycle. ***( go, goes, going )***
  2. Nam and I going to have a picnic ***( is, are, am )***
  3. He serves in the police. He is a ***( work, doctor, policeman*** )
  4. What time you have lunch yesterdday? ( ***did, do, does)***
  5. These shoes are than those ones. ***( big, biger, bigger )***

### can I get there ? ( what, where, how ) Bài 3: Có bao nhiêu cách đọc ở phần được gạch chân trong các từ sau:( 1,5 điểm)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. orange | wrote | won | do |  |
| 2. cake | grape | orange | water |  |
| 3. lemon | get | decide | mineral |  |
| 4. weekend | meet | engineer | beer |  |
| 5. under | uncle | music | lunch |  |
| 6. in | nice | behind | like |  |

***Bài 4:Kết hợp 1 câu hỏi ở cột A với 1 câu trả lời phù hợp ở cột B (1,5điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **Trả lời** |
| 1. They rarely watch ........................... | a. to school ? | 1 |
| 2. Why do you want .......................... | b. in my class. | 2 |
| 3. There are twenty girls.................... | c. longer than yours | 3 |
| 4. My ruler is .................................... | d. telivision in the morning. | 4 |
| 5. How far is it from your house........ | e. to visit Ho Chi Minh City? | 5 |
| 6. What’ s the weather like .............. | f. in Thai Binh to day ? | 6 |

***Bài 5: §äc ®o¹n v¨n sau råi tr¶ lêi c©u hái ( 1 điểm).***

This summer holiday my parents are going to take me to Hanoi. We are going to travel by car. We are going to stay in my uncle’s house for two weeks. We are going to visit President Ho Chi Minh Mausoleum, Hoan Kiem Lake, Temple of Literature, and Lenin Park. We are going to go shopping in Dong Xuan market, and I’m going to buy some souvernirs for my friends.

1. Where are they going to go this summer holiday?

................................................................................................................................ 2. How are they going to travel ? .........................................................................

3. What are they going to visit? ...........................................................................

4. What is she going to buy? ...............................................................................

### Bài 6: Mçi c©u sau cã 1 lçi sai. Em h·y t×m vµ söa l¹i cho ®óng (1 điểm)

1. It very hot in summer .....................................................................................

2. What do you want play? .................................................................................

3. Phong usually watch games on T.V................................................................

4. The living room is large than the kitchen........................................................

### Bài 7 : Sắp xếp các từ, cụm từ đã cho thành câu có nghĩa( 1 điểm)

1. do / want / to / a / why/ you / be / doctor / ? /

..................................................................................................................

1. Tom / going / ride / at / weekend / is / to / a / bicycle / the.

..................................................................................................................

1. go / let’s / to / zoo / the .

..................................................................................................................

1. there / police station / is / a / here / near/ ? /

.................................................................................................................

### Bài 8 : Trả lời các câu hỏi sau ( 1 điểm)

1. Where were you yesterday ?

.................................................................................................................

1. How many people are there in your family?

.................................................................................................................

1. How far is it from you house to school ?

.................................................................................................................

1. Why do you want to learn English?

.................................................................................................................

*-The end-*